

BẢNG ĐIỂM TỔNG THI KẾT THÚC KHÓA NGẮN HẠN

Tên khóa học: Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc và kỹ thuật dược
Thời gian đào tạo: 22/04/2024 - 01/06/2024

Khóa: 04
Lần thi: 1
Ngày thi: 09/06/2024 - 15/06/2024

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm							Đánh giá	Ghi chú
					Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	TB		
					1	2	3	4	5	6			
1	2223360293	Nguyễn Văn	An	13/11/2007	5.4	4.0	1.0	5.0	5.0	5.5	4.3	Không đạt	
2	2223180076	Dương Thị Ngọc	Anh	08/01/1997	6.9	9.5	7.0	7.0	4.0	7.5	7.0	Đạt	
3	2223240068	Vưu Kim	Anh	28/02/1999	6.7	10.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.5	Đạt	
4	2223240251	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	21/04/2002	4.1	7.5	4.0	7.5	4.0	7.0	5.7	Đạt	
5	2223360396	Phạm Thị Phương	Anh	26/08/2007	4.5	5.0	7.0	5.0	5.0	4.0	5.1	Đạt	
6	1223360149	Phạm Lan	Anh	14/05/2007	9.0	9.0	8.0	8.5	4.0	9.0	7.9	Đạt	
7	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	31/07/2001	7.3	8.5	7.5	7.0	4.0	8.0	7.1	Đạt	
8	2223240265	Nguyễn Tấn	Bình	18/12/2000	5.5	9.0	8.0	5.0	5.0	8.0	6.8	Đạt	
9	2223180074	Trần Thị Kim	Cương	18/03/1989	6.1	6.0	4.0	7.0	5.0	6.5	5.8	Đạt	
10	2223360109	Nguyễn Hồ Linh	Đan	12/03/2007	5.6	7.0	5.0	3.0	7.0	6.5	5.7	Không đạt	
11	1223180010	Nguyễn Hải	Đăng	30/12/2002	8.8	9.5	9.0	8.0	4.0	8.5	8.0	Đạt	
12	2223240267	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	30/09/1996	9.5	10.0	8.5	8.5	8.0	9.0	8.9	Đạt	
13	2223240130	Nguyễn Gia	Đồng	25/01/1996	6.0	9.5	7.0	6.0	5.0	8.0	6.9	Đạt	
14	2223240186	Lê Hồ Thanh	Đồng	24/03/1997	9.6	6.0	7.0	8.5	8.0	8.5	7.9	Đạt	
15	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	6.0	8.0	9.0	8.0	7.0	7.5	7.6	Đạt	
16	1223180011	Trần Thị Thu	Dung	24/10/1986	9.5	10.0	9.0	9.0	6.0	8.0	8.6	Đạt	
17	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	4.6	2.5	3.0	5.0	0.0	4.0	3.2	Không đạt	
18	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	6.3	7.0	4.0	6.0	0.0	6.0	4.9	Không đạt	
19	1223360059	Trần Thùy	Dương	08/02/2007	7.0	7.0	8.0	7.5	4.0	8.0	6.9	Đạt	
20	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	4.4	7.5	7.5	7.0	4.0	7.5	6.3	Đạt	
21	1223240022	Nguyễn Huỳnh	Giang	20/10/2003	6.4	8.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.7	Đạt	
22	1223240024	Nguyễn Thành	Giang	25/06/1995	9.0	9.5	9.0	8.0	8.0	9.0	8.8	Đạt	
23	1223240004	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1994	7.5	7.0	8.0	7.0	4.0	6.5	6.7	Đạt	
24	1193360150	Nguyễn Ngọc	Hải	19/11/2003	6.6	4.5	4.0	9.0	0.0	4.0	4.7	Không đạt	
25	2223240154	Phạm Gia	Hân	07/06/1996	9.8	10.0	9.0	7.0	6.0	8.5	8.4	Đạt	
26	1223360030	Phùng Gia	Hân	26/04/2007	9.5	10.0	8.0	9.0	5.0	7.5	8.2	Đạt	
27	2223180020	Mai Thị Thanh	Hằng	04/06/1995	7.5	8.5	6.0	7.0	6.0	7.0	7.0	Đạt	
28	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	9.0	9.0	7.0	7.5	5.0	8.0	7.6	Đạt	
29	2223240276	Lê Trọng	Hồ	10/03/1987	4.4	1.5	7.0	7.0	4.0	8.0	5.3	Không đạt	
30	1223180032	Nguyễn Thị	Hòa	07/07/1993	9.5	10.0	9.0	8.0	5.0	8.5	8.3	Đạt	
31	1223360249	Bùi Thị Phương	Hoàn	03/05/2007	4.5	1.5	5.0	8.0	0.0	2.0	3.5	Không đạt	
32	2223360319	Trần Nguyễn Văn	Hoàng	26/12/2006	3.8	3.0	1.0	2.0	0.0	2.0	2.0	Không đạt	
33	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/06/1991	7.7	8.5	8.0	5.0	4.0	5.5	6.5	Đạt	
34	2223240135	Lê Đức	Hưng	07/09/1985	5.4	1.5	4.0	6.5	4.0	7.0	4.7	Không đạt	
35	1223240050	Hà Thị	Hương	19/09/1995	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	8.5	8.6	Đạt	
36	1832420201	Hoàng Thu	Hương	25/10/2000	2.9	3.0	2.0	4.0	4.0	6.0	3.7	Không đạt	



STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm							Đánh giá	Ghi chú
					Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	TB		
					1	2	3	4	5	6			
37	1223240041	Đỗ Vương	Huy	26/04/2001	6.1	8.0	8.0	9.0	4.0	7.0	7.0	Đạt	
38	1223360291	Võ Đức	Huy	16/11/2002	9.0	9.5	9.0	8.0	4.0	7.5	7.8	Đạt	
39	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	2.8	2.0	1.0	4.0	4.0	2.5	2.7	Không đạt	
40	1223360290	Hồ Quốc	Huy	19/01/2007	7.5	9.5	6.0	8.0	4.0	7.5	7.1	Đạt	
41	1213360128	Lê Đỗ Sa	Huỳnh	12/11/2006	3.1	4.0	4.0	8.0	4.0	4.0	4.5	Không đạt	
42	2223360424	Lê Bắc	Khăm	01/01/2003	6.7	9.0	8.0	7.5	4.0	8.5	7.3	Đạt	
43	2223360415	Nguyễn Trần Chấn	Khang	16/10/2004	4.9	3.0	5.0	5.0	6.0	0.5	4.1	Không đạt	
44	2223360192	Nguyễn Xuân	Khánh	29/10/1990	6.0	4.0	5.0	7.0	4.0	6.0	5.3	Đạt	
45	2223240215	Dương Ngọc	Khương	05/06/2004	2.5	4.0	3.0	7.5	0.0	6.5	3.9	Không đạt	
46	2223240224	Bùi Thị Mạnh	Khương	05/02/1996	7.0	5.5	6.0	6.5	4.0	6.0	5.8	Đạt	
47	2223180063	Bùi Thị Kim	Kiều	15/12/1987	7.5	7.5	4.0	5.5	4.0	7.0	5.9	Đạt	
48	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	7.0	9.0	9.0	8.0	5.0	8.5	7.8	Đạt	
49	1223180012	Mai Thị Thu	Liễu	02/11/1992	8.5	10.0	8.0	9.0	4.0	8.5	8.0	Đạt	
50	1223240016	Đặng Ngọc Phương	Linh	31/05/2003	7.0	9.0	8.0	8.5	7.0	4.0	7.3	Đạt	
51	1223180008	Hồ Thị Thùy	Linh	25/11/1988	5.8	4.0	6.0	7.5	4.0	7.0	5.7	Đạt	
52	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	9.5	4.0	5.0	4.0	4.0	5.0	5.3	Đạt	
53	2223240084	Đỗ Thị Yến	Linh	06/03/2003	8.5	8.0	6.0	6.0	4.0	6.5	6.5	Đạt	
54	2223240020	Đặng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	7.1	5.0	6.5	5.0	4.0	5.0	5.4	Đạt	
55	1223360163	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	13/07/2007	7.3	8.0	8.0	8.5	4.0	7.5	7.2	Đạt	
56	1223180004	Nguyễn Thị Phương	Mai	30/05/1983	10.0	10.0	9.0	9.5	7.0	9.0	9.1	Đạt	
57	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	6.5	4.5	4.0	8.0	4.0	7.0	5.7	Đạt	
58	2223240107	Phạm Hữu	Minh	19/10/1988	5.5	4.0	6.5	7.0	4.0	7.0	5.7	Đạt	
59	2223360455	Nguyễn Thị Tố	Nga	17/09/2007	6.0	1.5	3.0	6.5	6.0	7.5	5.1	Không đạt	
60	1223180003	Lê Thị Kim	Ngà	09/09/1991	8.5	8.5	8.0	9.5	6.0	7.0	7.9	Đạt	
61	1223240040	Hà Kim	Ngân	09/05/2000	9.5	9.5	9.0	9.0	4.0	6.5	7.9	Đạt	
62	1223360032	Trương Nguyễn Thu	Ngân	03/04/2007	9.0	8.0	7.0	8.5	5.0	8.0	7.6	Đạt	
63	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	8.5	5.5	8.0	8.0	4.0	7.0	6.8	Đạt	
64	2223360338	Trần Quang	Ngân	23/07/2004	7.5	8.0	8.0	5.0	6.0	8.0	7.1	Đạt	
65	2223360334	Đào Bảo	Ngọc	02/04/2007	8.8	6.0	6.5	6.0	5.0	7.0	6.6	Đạt	
66	1223240030	Nguyễn Phương	Nguyên	23/12/2001	7.5	2.5	2.0	8.0	0.0	5.5	4.3	Không đạt	
67	1223180018	Nguyễn Thu	Nguyên	26/09/1985	7.5	10.0	9.0	8.5	5.0	8.0	8.0	Đạt	
68	1223240064	Lê Nguyễn Huỳnh	Nhi	08/04/2004	10.0	6.0	7.0	8.5	7.0	5.5	7.3	Đạt	
69	1223240072	Lê Phương	Nhi	20/12/2003	8.0	9.0	8.0	8.5	7.0	6.0	7.8	Đạt	
70	2223240289	Phan Thị Tuyết	Nhi	12/10/2000	9.0	6.0	7.5	6.0	4.0	5.0	6.3	Đạt	
71	1213360036	Lê Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	4.3	7.0	9.0	9.5	6.0	6.0	7.0	Đạt	
72	1223180030	Bùi Lê Huỳnh	Như	29/08/1991	8.0	9.0	8.0	9.0	7.0	7.5	8.1	Đạt	
73	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	6.0	4.0	5.0	2.0	6.0	4.0	4.5	Không đạt	
74	1223360023	Phan Thị Quỳnh	Như	26/09/2007	2.6	2.0	4.0	7.0	0.0	1.5	2.9	Không đạt	
75	2203360337	Lâm Tuyết	Nhung	26/10/2005	-	-	-	-	-	-	-	Không đạt	Vắng thi
76	2223240199	Lê Thùy Hà	Ni	22/03/1989	5.8	5.0	3.0	8.0	4.0	6.5	5.4	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm							Đánh giá	Ghi chú
					Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	TB		
					1	2	3	4	5	6			
77	1223180024	Nguyễn Thị Yến	Oanh	01/07/1986	4.5	4.0	7.0	8.0	4.0	5.5	5.5	Đạt	
78	2223240211	Phan Hồng	Phấn	19/10/2004	8.5	5.5	4.0	8.0	5.0	7.0	6.3	Đạt	
79	2223240250	Nguyễn Ông	Phát	27/02/1994	6.5	8.0	6.5	7.0	4.0	6.0	6.3	Đạt	
80	1223360217	Thần Thị Hoàng	Phúc	11/03/2007	8.7	10.0	8.0	7.5	4.0	8.0	7.7	Đạt	
81	2223360591	Vòng Mỹ	Phụng	01/06/2004	10.0	10.0	8.5	8.5	7.0	9.0	8.8	Đạt	
82	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phuong	16/06/2007	5.0	5.0	5.0	2.0	4.0	6.0	4.5	Không đạt	
83	2223360156	Phạm Trần Hà	Phuong	13/04/2004	2.0	2.0	2.0	4.0	4.0	0.0	2.3	Không đạt	
84	2223180065	Lê Hồ	Phuong	17/06/1980	6.4	7.0	8.0	8.0	4.0	8.5	7.0	Đạt	
85	1223240048	Phạm Xuân	Quyền	24/09/2002	-	-	-	-	-	-	-	-	Hoàn thi
86	2223360510	Nguyễn Thị Thanh	Quyền	26/09/2003	4.0	2.0	2.0	8.0	2.0	6.0	4.0	Không đạt	
87	2223360561	Siu H'	Sami	07/07/2006	1.0	3.0	1.0	2.0	4.0	0.0	1.8	Không đạt	
88	1223240002	Nguyễn Công	Son	08/07/2001	8.5	10.0	10.0	8.5	7.0	8.5	8.8	Đạt	
89	2223180094	Hồ Thị Anh	Tài	20/09/1986	8.5	10.0	9.0	9.0	8.0	8.5	8.8	Đạt	
90	2223360366	Phan Văn	Tài	27/07/2007	6.0	7.0	6.0	7.5	4.0	8.0	6.4	Đạt	
91	1223240062	Lê Thị Mỹ	Tâm	25/04/2004	8.0	10.0	9.0	9.0	8.0	7.5	8.6	Đạt	
92	2223240213	Phạm Lê Nhật	Tân	09/01/2002	8.2	6.0	6.5	7.5	8.0	7.5	7.3	Đạt	
93	1223240029	Huỳnh Thị	Thà	10/12/1994	7.5	7.5	7.0	8.0	4.0	6.5	6.8	Đạt	
94	2223360419	Trần Minh	Thái	30/08/2007	4.0	5.0	7.0	7.0	4.0	6.0	5.5	Đạt	
95	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	5.3	10.0	9.0	8.5	4.0	7.0	7.3	Đạt	
96	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	3.8	4.0	5.0	5.0	4.0	6.0	4.6	Không đạt	
97	1223240026	Cao Thị Phuong	Thảo	03/08/2003	6.5	6.5	5.0	7.5	7.0	6.5	6.5	Đạt	
98	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	8.5	10.0	9.0	7.0	8.0	8.5	8.5	Đạt	
99	2223360550	Đàng Thị Kim	Thế	03/09/2002	3.6	4.0	4.0	3.0	4.0	5.0	3.9	Không đạt	
100	1223240073	Bùi Ngọc Anh	Thị	01/07/2003	7.5	10.0	7.0	8.5	4.0	8.0	7.5	Đạt	
101	2213360185	Đặng Võ Văn	Thịnh	01/02/2006	7.0	7.0	6.0	2.0	4.0	4.0	5.0	Không đạt	
102	1213360041	Lê Nguyễn Anh	Thư	18/02/2000	-	-	-	-	-	-	-	Không đạt	
103	1223360144	Nguyễn Lê Anh	Thư	01/09/2007	8.0	6.0	9.0	8.0	4.0	1.5	6.1	Không đạt	
104	2223240173	Nguyễn Thị Kiều	Thuận	19/09/2001	9.1	6.0	6.5	8.5	5.0	8.0	7.2	Đạt	
105	2223240144	Trương Minh Nguyên	Thương	30/08/1994	10.0	10.0	8.5	8.0	8.0	9.0	8.9	Đạt	
106	1223180031	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	23/07/1988	7.5	9.5	8.0	7.0	4.0	6.5	7.1	Đạt	
107	2223240159	Trần Thị	Thùy	20/03/1983	5.8	4.0	4.0	6.0	4.0	7.0	5.1	Đạt	
108	1223360180	Lưu Thị Minh	Thùy	02/01/2007	7.5	4.0	4.0	7.0	4.0	7.5	5.7	Đạt	
109	2223240048	Trương Thu	Thúy	01/01/1994	10.0	10.0	8.5	6.5	4.0	9.0	8.0	Đạt	
110	2223360112	Phạm Thị Bích	Thùy	15/10/1983	7.0	4.0	6.0	4.0	4.0	7.5	5.4	Đạt	
111	2223240133	Nguyễn Ngọc	Thùy	06/06/1996	9.3	8.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.6	Đạt	
112	2223360365	Nguyễn Thị Gia	Thy	02/12/2007	6.5	4.0	2.0	6.0	4.0	5.0	4.6	Không đạt	
113	2223240075	Võ Thanh Mỹ	Tiên	25/08/1994	8.0	9.0	8.0	8.5	4.0	8.5	7.7	Đạt	
114	2223360261	Lê Thảo	Tiên	27/01/2006	5.0	6.0	2.0	6.0	7.0	6.5	5.4	Không đạt	
115	1203360032	Thái Thị Thùy	Tiên	01/10/2005	9.5	9.5	6.0	9.0	7.0	8.5	8.3	Đạt	
116	1223180006	Trần Ngọc	Tiến	13/03/1988	5.5	9.5	8.0	7.5	4.0	7.5	7.0	Đạt	

1. HO
 2. CẤP
 3. HỌ
 4. TÊN
 5. NGÀY

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm						Đánh giá	Ghi chú	
					Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	Trạm	TB			
					1	2	3	4	5				6
117	2223360358	Trần Trí	Toàn	10/12/2007	8.9	7.0	7.0	8.0	4.0	6.5	6.9	Đạt	
118	1223360104	Nguyễn Võ Thanh	Toàn	20/08/2007	7.0	6.5	7.0	7.5	4.0	5.0	6.2	Đạt	
119	1223240019	Phan Bích	Trâm	26/10/2001	5.0	5.5	7.0	8.5	5.0	6.5	6.3	Đạt	
120	1223240020	Phan Ngọc	Trâm	26/10/2001	5.0	4.0	5.0	8.5	0.0	7.5	5.0	Không đạt	
121	2223240246	Bùi Ngọc	Trâm	17/10/2001	10.0	9.5	7.5	7.0	4.0	8.0	7.7	Đạt	
122	2223180060	Nguyễn Thị Huỳnh	Trân	16/11/1997	4.9	7.0	5.0	8.5	4.0	8.0	6.2	Đạt	
123	1223360008	Đoàn Ngọc Quế	Trân	16/09/2005	6.0	7.0	9.0	8.5	6.0	8.5	7.5	Đạt	
124	1223240061	Nguyễn Thị Thuý	Trang	07/03/2004	6.3	5.0	3.0	7.5	4.0	6.5	5.4	Không đạt	
125	1223240081	Lê Thị Tuyết	Trang	25/02/1991	7.0	8.5	9.0	8.0	4.0	7.5	7.3	Đạt	
126	2203360265	Trần Võ Hà	Trang	25/02/2005	4.0	3.0	4.0	2.0	4.0	6.5	3.9	Không đạt	
127	2223360603	Bùi Thị Huyền	Trang	04/04/2005	6.1	5.0	5.0	6.0	4.0	6.0	5.4	Đạt	
128	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	9.8	6.0	4.0	6.0	5.0	8.0	6.5	Đạt	
129	2223240274	Nguyễn Nguyễn Phương	Trang	11/01/2002	6.0	5.0	2.0	7.5	4.0	7.0	5.3	Không đạt	
130	1223360266	Nguyễn Thùy	Trang	06/08/2005	5.5	1.0	4.0	7.5	0.0	0.5	3.1	Không đạt	
131	1213240067	Vương Ngọc	Trình	09/09/2003	1.6	2.5	4.0	8.5	0.0	0.5	2.9	Không đạt	
132	2223360230	Trần Lê Kiều	Trình	03/10/2006	4.1	9.0	3.0	6.0	0.0	7.5	4.9	Không đạt	
133	3223240012	Lâm Hoài	Trung	28/05/1982	4.2	5.0	8.0	8.0	4.0	4.0	5.5	Đạt	
134	1223240044	Nguyễn Tấn	Trương	15/09/1995	4.0	4.0	8.0	8.0	4.0	7.0	5.8	Đạt	
135	2223360577	Trịnh Xuân	Trường	30/01/1998	6.7	8.5	7.5	5.0	4.0	8.5	6.7	Đạt	
136	2223180080	Lê Xuân	Trường	19/06/2004	5.1	9.0	6.5	6.0	4.0	6.5	6.2	Đạt	
137	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	8.8	9.5	8.5	6.0	5.0	7.0	7.5	Đạt	
138	1223360138	Dương Thị Cẩm	Tú	14/06/2007	7.0	7.0	7.0	7.0	4.0	1.5	5.6	Không đạt	
139	2223240167	Đinh Quốc Quỳnh	Tuyên	25/07/2003	5.5	6.0	7.0	7.5	5.0	7.0	6.3	Đạt	
140	1223360102	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	17/08/2007	5.5	4.0	6.0	8.5	4.0	5.0	5.5	Đạt	
141	1223360289	Nguyễn Khánh Phương	Uyên	07/10/2006	6.5	7.5	6.0	7.5	4.0	4.0	5.9	Đạt	
142	2223180097	Hoàng Thị Huyền	Vân	08/01/1984	7.5	9.0	6.0	7.0	6.0	6.5	7.0	Đạt	
143	1223240012	Lê Thị Tường	Vi	01/09/2003	7.3	10.0	9.0	9.0	4.0	8.0	7.9	Đạt	
144	1223180020	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/03/1980	5.8	8.5	9.0	8.0	4.0	7.5	7.1	Đạt	
145	2223240249	Nguyễn Hoàng	Ý	05/08/1997	9.5	8.0	8.0	8.5	6.0	8.5	8.1	Đạt	
146	1223240051	Trần Ngọc	Yến	09/05/1996	9.0	8.0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.4	Đạt	
147	1223360225	Nguyễn Kim	Yến	04/12/2007	5.0	5.0	6.0	7.5	5.0	6.5	5.8	Đạt	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG



Đặng Thị Kim Yến



HL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Phạm Thanh Tùng